

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/3/2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Phong và ông Phạm Anh Tuấn

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông
Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mai H, sinh năm 1983; HKTT: Tổ 11, phường D, Thành phố T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Dương Ngọc H1, sinh năm 1976; HKTT và cư trú: Thôn H, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Mai H trình bày:

Chị kết hôn với anh Dương Ngọc H1 tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, thành phố Hà Nội vào ngày 26/9/2006. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chị về chung sống với anh H1 ngay. Vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con cái và quản lý kinh tế trong gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến tháng 4/2013 thì chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thái Bình và ly thân anh H1 từ đó cho đến nay, không còn khả năng quay về đoàn tụ. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên xin Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thái Th, sinh ngày 30/10/2007 và Dương Thái T, sinh ngày 27/5/2011. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và để anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th vì kể từ khi ly thân vợ chồng chị đã thống nhất việc giao con như hiện nay, hơn nữa đây cũng là nguyện vọng của các cháu nên đề nghị Tòa xem xét chấp nhận. Chị H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Ngọc H1 trình bày như sau:

Anh H1 xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị H trình bày. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thái Bình. Vợ chồng đã sống ly thân 07 năm nay, anh H1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã nhiều lần anh muốn ly hôn chị H để giải phóng cho cả hai nhưng nay anh mắc bệnh hiểm nghèo, không biết sống được bao lâu nên không cần thiết phải ly hôn và muốn duy trì tình trạng ly thân như hiện tại vì các con. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì để chị tự ly hôn đơn phương, anh không đến Tòa làm việc.

Anh H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Dương Thái Th, sinh ngày 30/10/2007 và Dương Thái T, sinh ngày 27/5/2011. Trường hợp phải ly hôn, anh H1 đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th theo nguyện vọng của con và để chị H nuôi cháu T. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

UBND xã V nơi cư trú của đương sự có quan điểm: Mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, bản thân anh H1 cũng nhiều lần muốn ly hôn chị H để giải phóng cho cả hai. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm một khoảng thời gian dài từ tháng 4/2013 đến nay. Anh H1 muốn duy trì tình trạng ly thân hư hiện tại vì các con chứ tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh H1 chỉ còn là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1 là hợp tình hợp lý.

Chị H và anh H1 có 02 con chung là Dương Thái Th, sinh ngày 30/10/2007 và Dương Thái T, sinh ngày 27/5/2011. Vợ chồng anh chị đã thống nhất giao chị H nuôi cháu T và giao anh H1 nuôi cháu Th như hiện tại nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thái T, sinh ngày 27/5/2011 và giao anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thái Th, sinh ngày 30/10/2007; Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ chung không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã V, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Phạm Thị Mai H kết hôn với anh Dương Ngọc H1 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội vào ngày 26/9/2006. Sau khi cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về quản lý kinh tế và nuôi dạy con cái khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Đến tháng 4/2013, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, chị H đã bỏ anh H1 đi về nhà mẹ đẻ ở Thái Bình, vợ chồng anh chị đã ly thân 07 năm nay và không còn cơ hội hàn gắn. Anh H1 cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, đã nhiều lần anh cũng muốn ly hôn với chị H để giải phóng cho cả hai bên nhưng do mắc bệnh hiểm nghèo không biết sống được bao lâu và vì các con nên anh muốn duy trì tình trạng ly thân như hiện tại, vẫn giữ hôn nhân về mặt hình thức mặc dù không còn tình cảm vợ chồng. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh H1 để chị tự ly hôn đơn phương, không đến Tòa làm việc.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng không còn, việc anh H1 níu giữ hôn nhân không xuất phát từ tình cảm vợ chồng vốn là nền tảng của hôn nhân... nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thái Th, sinh ngày 30/10/2007 và Dương Thái T, sinh ngày 27/5/2011. Các bên đều thống nhất giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và giao anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th như hiện tại, đây cũng là nguyện vọng của các cháu. Các bên yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng

nuôi con. Do đề nghị của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh H1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Phạm Thị Mai H được ly hôn anh Dương Ngọc H1.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thái T, sinh ngày 27/5/2011; giao anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thái Th, sinh ngày 30/10/2007. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H và anh H1 đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Mai H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005681 ngày 11/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị Mai H và anh Dương Ngọc H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Phùng Văn Phong

